

Bản án số: 369/2018/KDTM-ST

Ngày: 02-4-2018

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Cảnh

2. Ông Đặng Minh Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02, ngày 26 tháng 3 và ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2016/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 18 đường Tr, xã MĐ, huyện TL, Thành phố Hà Nội.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q

Địa chỉ: Số 22 đường HV, Phường LTT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, Luật sư của Công ty Luật TNHH NB, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại MH

Địa chỉ: Số 147 đường ĐBP, Phường ML, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Anh D – Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hoàng Anh D

Địa chỉ: Số 87/26 đường TĐX, phường NCT, Quận MO, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Mạnh S

3.3. Bà Trần Thị H1

Cùng địa chỉ: Số 258 đường HBT, phường TĐ, Quận MO, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Sơn: Bà Trần Thị H1 (Theo giấy ủy quyền ngày 11/7/2014)

3.4. Ông Phan Hữu Ch

3.5. Bà Lê Hương G

3.6. Bà Nguyễn Thị T

3.7. Ông Lê Văn Qu

3.8. Chị Phan Lê Khánh Nh

3.9. Anh Phan Lê Hoàng L

3.10. Trẻ Phan Lê Bảo Nh1, sinh ngày 06/4/2001

Cùng địa chỉ: Số 84N đường NĐC, phường ĐK, Quận MO, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nhi: Ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G (là cha mẹ ruột của trẻ Nh1)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ch, bà G: Bà Đào Thu H2, Luật sư của Văn phòng Luật sư HH, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2014, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2017 và ngày 12/01/2017 Ngân hàng N trình bày Nh sau:

Công ty TNHH Thương mại MH và Ngân hàng N đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200303706 ngày 09/02/2011

- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

- Số tiền: 35.000.000.000 VNĐ.

- Tổng hạn mức này bao gồm các khoản vay, mở L/C, phát hành chứng thư bảo lãnh và chiết khấu bộ chứng từ (nếu có phát sinh). Trong đó mức dư nợ cao nhất: 23.000.000.000 VNĐ (hoặc bằng ngoại tệ quy đổi).

- Thời hạn HMTD: Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng.

- Lãi tiền vay: Lãi suất tiền vay được thỏa thuận và ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi tiền vay Bên vay phải trả cho Bên cho vay chỉ tính từ ngày vay đến ngày trả nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên giấy nhận nợ bị quá hạn.

- Phương pháp trả lãi: Lãi vay được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng.

- Mục đích vay vốn: Mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu bộ chứng từ nếu nước ngoài từ chối thanh toán; bảo lãnh...

2. Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201101781 ngày 28/12/2011

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

- Số tiền: 14.000.000.000 VNĐ.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận nợ vay lần đầu.

- Lãi tiền vay: Theo quy định và xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi tiền vay phải trả chỉ tính từ ngày vay đến ngày trả nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên giấy nhận nợ bị quá hạn.

- Phương pháp trả lãi: Lãi vay được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng.

- Mục đích vay vốn: Bỏ sung vốn lưu động kinh doanh giấy ảnh và hóa chất ảnh Kodak.

Để đảm bảo cho khoản vay của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH TM MH, Ngân hàng N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản Nh sau:

1. Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-20071244 ngày 29/11/2007

Thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Hoàng Anh D** tại địa chỉ: 87/26 đường TĐX, phường NCT, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14269/2002 ngày 30/5/2002 của Ủy ban nhân dân TP.HCM.

2. Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201100891 ngày 24/11/2011

Thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông **Nguyễn Mạnh S** và bà **Trần Thị H1** tại: xã TPh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0861400 ngày 16/3/2000 của Ủy ban nhân dân huyện LTh.

3. Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201101005 ngày 28/12/2011

Thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Phan Hữu Ch** và bà **Lê Hương G** tại địa chỉ: 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BE157822 ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận MO.

4. Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201100855 ngày 16/11/2011

Thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Nguyễn Văn C** và bà **Huỳnh Thị Lệ H3** tại địa chỉ: 1/35 NVL, Phường MU, quận GV, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 16691/2003 ngày 25/11/2003 của Ủy ban nhân dân quận GV.

Thực hiện theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2014 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Q (VAMC); Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 và các văn bản sửa đổi liên quan của NHNN quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC; ngày 13/11/2014, Ngân hàng N đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH TM MH cho VAMC theo Hợp đồng mua, bán nợ số 5603/2014.MBN.VAMC1-H.

Theo giao dịch mua bán nợ, VAMC nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng N phát sinh từ Hợp đồng bảo đảm và Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Sau khi mua lại khoản nợ, VAMC đã ủy quyền cho Ngân hàng N tiếp tục quản lý, đòi, thu hồi nợ, khởi kiện,... đối với khoản nợ của Công ty, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay bên bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và lãi quá hạn. Xét thấy, bên bị đơn không hợp tác và không trả nợ cho VAMC dẫn đến khả năng mất vốn của Nhà nước.

Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng Nh đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, VAMC đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những nội dung Nh sau:

1. Yêu cầu Công ty TNHH TM MH phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn cho VAMC với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2017 Nh sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Số hợp đồng	1700-LAV-200303706	1700-LAV-201101781
	(1)	(2)
Nợ gốc	20,068,517,795	14,000,000,000
Tiền lãi trong hạn	12.945.800.672	8.493.722.220
Tiền lãi quá hạn	5.386.887.213	2.826.559.144
Tổng	38.400.973.234	25.320.281.364
Tổng (1) + (2)	63.721.254.598	

2. Yêu cầu Công ty TNHH TM MH phải thanh toán cho VAMC toàn bộ số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn phát sinh sau ngày 28/02/2017 đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Trường hợp Công ty TNHH TM MH không còn đủ khả năng trả nợ, đề nghị Tòa án ra quyết định yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Ngân hàng N, Công ty TNHH TM MH và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VAMC là:

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Hoàng Anh D tại địa chỉ: 87/26 đường TĐX, phường NCT, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14269/2002 ngày 30/5/2002 của Ủy ban nhân dân TP.HCM (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-20071244 ngày 29/11/2007);

Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Mạnh S và bà Trần Thị H1 tại: xã TPh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0861400 ngày 16/3/2000 của Ủy ban nhân dân huyện LTh (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201100891 ngày 24/11/2011);

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G tại địa chỉ: 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BE157822 ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận MO (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201101005 ngày 28/12/2011).

Đối với việc thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn C và bà Huỳnh Thị Lệ H3 tại địa chỉ: 1/35 đường NVL, Phường MU, quận GV, TP.HCM. Do ông C và bà H3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp nêu trên nên Ngân hàng đã giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ thế chấp cho ông C, bà H3. Do vậy, tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/01/2017 Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với ông C, bà H3.

- + Bị đơn Công ty TNHH TM MH có ông Hoàng Anh D là người đại diện theo pháp luật của công ty MH vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không có ý kiến gì.

- + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- * Bà Trần Thị H1 cùng đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh S có Đơn xin vắng mặt đề ngày 07/8/2017, xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả khi hòa giải và khi xét xử, bà Trần Thị H1 không có ý kiến gì.

- * Ông Hoàng Anh D, ông Phan Hữu Ch, bà Lê Hương G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn Q, chị Phan Lê Khánh N, anh Phan Lê Hoàng L và trẻ Phan Lê

Bảo Nh1 sinh năm 2001 (có ông Ch, bà G là cha mẹ ruột của trẻ Nh1) vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không có ý kiến gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng Nh việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với thời hạn đưa vụ án ra xét xử tính từ ngày thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử thì có vi phạm về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 28/5/2014 Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với công ty TNHH Thương mại MH (gọi tắt là công ty MH) do Tòa án nhân dân quận BTh thụ lý vào ngày 27/6/2014. Ngày 01/2/2016 theo Quyết định chuyển vụ án số 211/QĐ-CVA-KDTM của Tòa án nhân dân quận BTh chuyển hồ sơ vụ án nêu trên đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền với lý do theo Công văn số 3959/QLXNC-P3 ngày 11/8/2015 của Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh thì ông Hoàng Anh D xuất cảnh lần cuối vào ngày 22/9/2012, chưa có thông tin nhập cảnh. Ngân hàng đã cung cấp địa chỉ của ông D cư trú tại Hoa kỳ là: 8974 Ladona CT Fountain Valley, CA 92708.

[2] Ngày 26/4/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi các văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của ông D tại Hoa kỳ theo Nh Ngân hàng cung cấp nêu trên Nhng đã bị hoàn trả lại. Theo Văn bản số 083 ngày 20/1/2017 và 690 ngày 21/6/2017 của Ngân hàng trình bày việc cung cấp địa chỉ của ông D tại Hoa Kỳ do người quen của ông D cho biết, Ngân hàng không biết địa chỉ trên có xác thực hay không và cũng không biết địa chỉ nào khác của ông D để cung cấp cho Tòa án ngoài địa chỉ lưu trong hồ sơ của Ngân hàng thể hiện ông D có hộ khẩu thường trú tại 87/26 TĐX, phường NCT, Quận MO và đề nghị Tòa án xét xử vụ kiện nêu trên.

[3] Theo Văn bản ngày 09/3/2018 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM thì công ty MH chưa đăng ký giải thể, có ông Hoàng Anh D là người đại diện theo pháp luật của công ty MH, trụ sở tại 147 đường ĐBP, Phường ML, quận BTh.

[4] Xét thấy, trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của công ty MH là 147 Đường ĐBP, Phường ML, quận BTh cũng Nh địa chỉ của ông D là 87/26 TĐX, phường NCT, Quận MO theo địa chỉ đã ghi

trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nên việc ông D thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Nguyên đơn biết là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vì theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 Nh sau “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết nơi cư trú mới”. Nh trong trường hợp này do ông D không thông báo cho Ngân hàng biết việc thay đổi nơi cư trú của ông, đồng thời qua kết quả xác minh ngày 25/8/2016 tại Công an phường NCT cho biết ông Hoàng Anh D bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2013 không rõ đi đâu, hiện tại nhà số 87/26 TĐX, phường NCT, Quận MO không có ai cư ngụ; ngoài ra Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh cũng đã có Văn bản số 3015 ngày 04/11/2016 trả lời từ ngày 22/9/2012 đến nay không có thông tin xuất nhập cảnh của ông D trên hệ thống quản lý. Còn đối với trụ sở của công ty MH thì qua thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM vẫn không có thay đổi trụ sở. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt cho công ty MH và ông D tại nơi có ghi địa chỉ trong hợp đồng và cũng là địa chỉ cuối cùng của các đương sự mà Tòa án có thể thu thập được là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt công ty MH và ông D vì đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng Nhng các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Ông Phan Hữu Ch, bà Lê Hương G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn Q, chị Phan Lê Khánh Nh, anh Phan Lê Hoàng L và trẻ Phan Lê Bảo Nh1 sinh năm 2001 (có ông Ch, bà G là cha mẹ ruột của trẻ Nh) là những người đang cư ngụ tại căn nhà số 84N NĐC, phường ĐaKao, Quận MO được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự nêu trên Nhng chỉ có ông Ch có mặt tại phiên tòa xét xử. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự Nh sau: bà Lê Hương G, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn Q, chị Phan Lê Khánh Nh, anh Phan Lê Hoàng L.

[6] Theo Văn bản số 498 ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng những người cư trú trên thửa đất số 342 xã TPh huyện LTh, tỉnh Đồng Nai được biết có ông Nguyễn Mạnh S và bà Lục Thị Kim S1 cư ngụ, Tòa án đã triệu tập bà S1 tham gia tố tụng nhưng bà S1 không đến Tòa, đến ngày 24/7/2017 bằng Công văn số 681 của Tòa án xác minh trường hợp cư ngụ của bà S1 thì có kết quả bà S1 không còn sinh sống tại thửa đất nêu trên. Vì vậy, Tòa án không đưa bà S1 vào tham gia tố tụng.

[7] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán nợ số 5603/2014.MBN.VAMC1-H ngày 13/11/2014 và Hợp đồng sửa đổi hợp đồng mua, bán nợ số 3210 ngày 20/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng N và Công ty TNHH MTV Q (VAMC) đã thể hiện Ngân hàng H đã chuyển giao quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng cho công ty VAMC. Do đó, công ty VAMC là tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng H theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Bộ Luật Tố tụng Dân

sự năm 2015. Theo Hợp đồng ủy quyền số 5604/2014 ngày 13/11/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số 11770/2015 ngày 07/8/2015 của VAMC đã ủy quyền cho Ngân hàng tham gia tố tụng tại Tòa. Ngày 12/01/2017, Ngân hàng có đơn rút phần khởi kiện đối với ông C, bà H3 nên Tòa án không đưa ông C, bà H3 vào tham gia tố tụng và đình chỉ phần khởi kiện này của Ngân hàng.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn cho VAMC với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2018 liên quan đến các hợp đồng tín dụng Nh sau:

Số hợp đồng	1700-LAV-200303706 ngày 09/2/2011	1700-LAV-201101781 ngày 28/12/2011
Nợ gốc	20.068.285.350	14.000.000.000
Tiền lãi trong hạn	13.590.250.007	8.950.433.333
Tiền lãi quá hạn	6.321.533.235	3.855.852.778
Tổng	39.980.068.591	26.806.286.110
TỔNG (1)+(2)	66.786.354.701	

Xét thấy, căn cứ các Hợp đồng tín dụng nêu trên, các giấy nhận nợ và bảng chi tiết tính nợ gốc, nợ lãi đã thể hiện công ty MH có vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của Nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn theo các chứng cứ Nguyên đơn nộp cho Tòa án là có căn cứ để chấp nhận. Thời hạn vay đã chấm dứt Nhng Bị đơn vẫn không thanh toán đủ số nợ nêu trên cho Nguyên đơn. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/3/2018 là 66.786.354.701 đồng và lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 27/3/2018 cho đến khi trả dứt nợ gốc là hoàn toàn có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

[9] Theo Bản tự khai ngày 26/3/2018 cũng Nh tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn đã xác định nghĩa vụ trả nợ theo từng tài sản đảm bảo Nh sau:

STT	Tên tài sản	Nghĩa vụ trả nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng gốc lãi
1	HĐTC số 1700-LCP-200701244 ngày 29/11/2007 (nhà số 87/26 đường TĐX, phường NCT, Quận MO)	4.100.000.000	2.625.993.056	1.312.996.528	8.038.989.584
2	HĐTC số 1700-LCP-201100891 ngày 24/11/2011 (thửa đất số 342,	900.000.000	576.437.500	288.218.750	1.764.656.250

	tờ bản đồ số 08 xã TPh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai)				
3	HĐTC số 1700- LCP-201101005 ngày 28/12/2011 (nhà số 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO)	10.480.000.000	6.712.294.444	3.356.147.222	20.548.441.666
	Tổng cộng	15.480.000.000	9.914.725.000	4.957.362.500	30.352.087.500

[10] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Hữu Ch thừa nhận ông và bà Lê Hương G có ký Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201101005 ngày 28/12/2011 để thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G tại địa chỉ: 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BE157822 ngày 12/12/2011 do Ủy ban nhân dân Quận MO cấp; việc thế chấp này nhằm đảm bảo cho công ty MH vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, nghĩa vụ đảm bảo cho hợp đồng tín dụng theo hợp đồng thế chấp đã được ông Ch xác nhận với số tiền nợ gốc là 10.480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 6.712.294.444 đồng và lãi quá hạn là 3.356.147.222 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26/3/2018). Ông Ch cũng đồng ý phát mãi tài sản thế chấp và thanh toán nợ cho Nguyên đơn theo nghĩa vụ bảo đảm được nêu trong hợp đồng thế chấp.

[11] Xét thấy, các hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 318 và 323 Bộ Luật dân sự 2005, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của các hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Đối với nghĩa vụ trả nợ theo từng tài sản bảo đảm của các hợp đồng thế chấp theo như Nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định về “Phạm vi bảo đảm” đã được các bên thỏa thuận và ký kết trong các hợp đồng thế chấp. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đảm bảo theo nghĩa vụ đảm bảo của các hợp đồng thế chấp. Trong trường hợp phát mãi tài sản không đủ để trả nợ cho Nguyên đơn theo nghĩa vụ tài sản đảm bảo thì Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn lại cho Nguyên đơn. Trong trường hợp phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho Nguyên đơn theo nghĩa vụ đảm bảo trong hợp đồng thế chấp mà còn dư tiền thì những người thế chấp tài sản được nhận lại số tiền dư này.

[12] Do vụ án được Tòa án nhân dân quận BTh thụ lý vào ngày 27/6/2014 nên án phí sơ thẩm được tính trên quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Công ty MH phải chịu án phí trên số tiền thi hành là 66.786.354.701

đồng, cụ thể án phí phải chịu là 112.000.000 đồng + (0,1% x 62.786.354.701 đồng) = 174.786.354 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngân hàng N nộp tiền tạm ứng án phí đã có Văn bản số 317 ngày 23/3/2017 xác nhận đồng ý chuyển toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho VAMC do đã bán nợ cho VAMC. Vì vậy, VAMC được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 77.387.044 đồng theo Biên lai thu số 03098 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BTh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 74; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 318 và 323 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử :

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn Cường và bà Huỳnh Thị Lệ Hằng.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc công ty TNHH Thương mại MH có trách nhiệm phải trả cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) số tiền là 66.786.354.701 (sáu mươi sáu tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm lẻ một) đồng gồm: nợ gốc là 34.068.285.350 (ba mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi) đồng; nợ lãi tính đến hết ngày 26/3/2018 là 32.718.069.351 (ba mươi hai tỷ bảy trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm năm mươi một) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật được tính theo 02 hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200303706 ngày 09/2/2011 bao gồm: nợ gốc là 20.068.285.350 (hai mươi tỷ không trăm sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi) đồng; nợ lãi trong hạn là 13.590.250.007 (mười ba tỷ năm trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn không trăm lẻ bảy) đồng; nợ lãi quá hạn là 6.321.533.235 (sáu tỷ ba trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ba ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng .

+ Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201101781 ngày 28/12/2011 bao gồm: nợ gốc là 14.000.000.000 (mười bốn tỷ) đồng; nợ lãi trong hạn là 8.950.433.333 (tám tỷ chín trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn là 3.855.852.778 (ba tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi tám) đồng .

Ngoài ra, kể từ ngày 27/3/2018, công ty TNHH Thương mại MH còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) tiền lãi quá hạn trên nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200303706 ngày 09/2/2011 và số 1700-LAV-201101781 ngày 28/12/2011 cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi công ty TNHH Thương mại MH trả hết nợ, Công ty TNHH MTV Q (VAMC) có trách nhiệm giải chấp và trả lại cho ông Hoàng Anh D, ông Nguyễn Mạnh S, bà Trần Thị H1, ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G toàn bộ bản chính giấy tờ tài sản thế chấp đã được nêu trong các hợp đồng thế chấp sau: HĐTC số 1700-LCP-200701244 ngày 29/11/2007 (nhà số 87/26 TĐX, phường NCT, Quận MO); HĐTC số 1700-LCP-201100891 ngày 24/11/2011 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 08 xã TPh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai) và HĐTC số 1700-LCP-201101005 ngày 28/12/2011 (nhà số 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO).

Trong trường hợp, công ty TNHH Thương mại MH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Hoàng Anh D tại địa chỉ: 87/26 đường TĐX, phường NCT, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14269/2002 ngày 30/5/2002 của Ủy ban nhân dân TP.HCM (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-20071244 ngày 29/11/2007);

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Mạnh S và bà Trần Thị H1 tại: xã TPh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0861400 ngày 16/3/2000 của Ủy ban nhân dân huyện LTh (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201100891 ngày 24/11/2011);

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G tại địa chỉ: 84N NĐC, phường ĐK, Quận MO, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BE157822 ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận MO (Hợp đồng thế chấp số 1700-LCP-201101005 ngày 28/12/2011).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên đã thực hiện xong nghĩa vụ nợ được đảm bảo cho công ty TNHH Thương mại MH theo các hợp đồng thế chấp mà vẫn còn dư thì chủ sở hữu các tài sản là: ông Hoàng Anh D, ông Nguyễn Mạnh S, bà Trần Thị H1, ông Phan Hữu Ch và bà Lê Hương G được nhận số tiền dư này.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên mà chưa thực hiện xong nghĩa vụ nợ được bảo đảm của công ty TNHH Thương

mại MH thì công ty TNHH Thương mại MH có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả cho hết số tiền nợ nêu trên .

2. Về án phí:

Công ty TNHH Thương mại MH phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 174.786.354 (một trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi bốn) đồng.

Công ty TNHH MTV Q (VAMC) không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 77.387.044 (bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/03098 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.BTh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ủ Thị Bạch Yến